

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ  
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**



**TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**

- 1. NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2019**
- 2. BẢN SAO BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019**

*Bắc Ninh, tháng 3 năm 2020*

Số: 12 /NQ-HĐQT

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;  
Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;  
Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua việc chốt danh sách cổ đông ngày 15 tháng 3 năm 2019 phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 năm 2019;

Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền; Mức 8%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 800 đồng; Thời gian chi trả bắt đầu từ ngày: 30/5/2019);

**Điều 2:** Giao Ban Giám đốc chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Kinh doanh – Dự án tổ chức triển khai các công việc liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

**Điều 3:** Quyết nghị có hiệu lực kể từ ngày ký các bộ phận và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Website Công ty;
- Sở Giao dịch CKHN (để b/c);
- Tổng Công ty SCIC (để b/c);
- Trung tâm Lưu ký CKVN;
- Các TV HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VP, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đương Hải Thanh**

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 02 tháng 01 năm 2019, Tại Văn phòng Công ty Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Thành phần cuộc họp:

**Thành viên Hội đồng Quản trị: 5/5 đồng chí**

- |                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Dương Hải Thanh    | Chức vụ : Chủ tịch HĐQT  |
| 2. Ông : Phạm Hồng Minh   | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 3. Ông: Nguyễn Phi Trường | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 4. Ông : Phạm Văn Hanh    | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 5. Ông : Nguyễn Văn Tặng  | Chức vụ: Thành viên HĐQT |

**Thư ký:**

Bà: Đỗ Thị Kim Tuyền

Thư ký HĐQT

Sau khi nghe đồng chí Dương Hải Thanh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa cuộc họp thông báo nội dung cuộc họp, Hội đồng quản trị đã bàn bạc, đóng góp ý kiến các nội dung cơ bản sau:

Thông qua việc chốt danh sách cổ đông ngày 15 tháng 3 năm 2019 phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 năm 2019;

Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền; Mức 8%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 800 đồng; Thời gian chi trả bắt đầu từ ngày: 30/5/2019);

Giao Ban Giám đốc chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Kinh doanh – Dự án tổ chức triển khai các công việc liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Cuộc họp kết thúc hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày được thông qua các thành viên Hội đồng quản trị, biên bản được lập thành 02 bản./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Thư ký HĐQT**



**Đỗ Thị Kim Tuyền**



**Dương Hải Thanh**

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 02 tháng 01 năm 2019, Tại Văn phòng Công ty Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Thành phần cuộc họp:

**Thành viên Hội đồng Quản trị: 5/5 đồng chí**

- |                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Dương Hải Thanh    | Chức vụ : Chủ tịch HĐQT  |
| 2. Ông : Phạm Hồng Minh   | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 3. Ông: Nguyễn Phi Trường | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 4. Ông : Phạm Văn Hanh    | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 5. Ông : Nguyễn Văn Tặng  | Chức vụ: Thành viên HĐQT |



**Thư ký:**

Bà: Đỗ Thị Kim Tuyền

Thư ký HĐQT

Sau khi nghe đồng chí Dương Hải Thanh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa cuộc họp thông báo nội dung cuộc họp, Hội đồng quản trị đã bàn bạc, đóng góp ý kiến các nội dung cơ bản sau:

Thông qua việc chốt danh sách cổ đông ngày 15 tháng 3 năm 2019 phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 năm 2019;

Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền; Mức 8%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 800 đồng; Thời gian chi trả bắt đầu từ ngày: 30/5/2019);

Giao Ban Giám đốc chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Kinh doanh – Dự án tổ chức triển khai các công việc liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Cuộc họp kết thúc hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày được thông qua các thành viên Hội đồng quản trị, biên bản được lập thành 02 bản./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Thư ký HĐQT**

**Đỗ Thị Kim Tuyền**



**Dương Hải Thanh**

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 2 năm 2019

### THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và tạm ứng chi trả cổ tức 2018 bằng tiền)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Tên tổ chức phát hành Công ty: Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Trụ sở chính: 118 Đường Huyền Quang – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 02223.826.746

FAX: 02223.823.366

**Chúng tôi thông báo đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán như sau:**

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.
- Mã chứng khoán: DT4
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng
- Sàn giao dịch : UPCOM
- Ngày đăng ký cuối cùng: 15/03/2019

#### 1. Lý do và mục đích:

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019;
- Tạm ứng chi trả cổ tức bằng tiền;

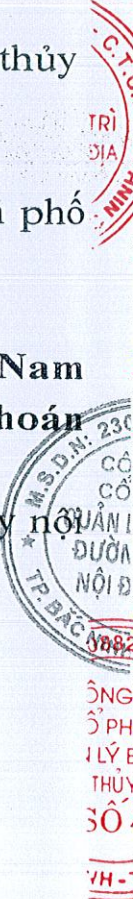
#### 2. Nội dung cụ thể:

##### a. Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

- Đối với cổ phiếu phổ thông : 01 cổ phiếu – 01 quyền biểu quyết
- Thời gian thực hiện: Dự kiến tháng 4 năm 2019 (Thời gian tổ chức cụ thể sẽ thông báo sau).

- Địa điểm thực hiện : Hội trường tầng 3 – Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 số 118 Đường Huyền Quang – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.

**Nội dung hợp :** Các nội dung theo thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.



**b. Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền:**

- Tỷ lệ thực hiện:
  - + Đối với cổ phiếu 8%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 800 đồng)
- Ngày thanh toán: 30/5/2019
- Địa điểm thực hiện:
  - + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức/lợi tức/lãi, gốc trái phiếu Công ty tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
  - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức Công ty tại văn phòng Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 vào các ngày làm việc trong tuần bắt đầu từ ngày 30/5 /2019 và xuất trình chứng minh nhân dân.

**Đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:**

- Địa chỉ nhận danh sách (bản cứng): Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 – 118 Đường Huyền Quang – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.

- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: [kimtuyeninwama4@gmail.com](mailto:kimtuyeninwama4@gmail.com)

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

**Nơi nhận:**

- Như KG;
- Sở Giao dịch CKHN;
- Lưu VP.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



CHỦ TỊCH H.Đ.Đ.T

*Dương Hải Thanh*

**\* Tài liệu đính kèm:**

Ghi rõ tên các tài liệu phải gửi kèm thông báo được quy định tại Điều 10 Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán (nếu có) và lưu ý phải đóng dấu giáp lai đầy đủ các tài liệu đính kèm)

**THÔNG BÁO**  
**CHỐT DANH SÁCH HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2019**

Kính gửi: - Quý cổ đông Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4

Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông báo về việc chốt danh sách cổ đông họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, cụ thể như sau:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.
- Mã chứng khoán: DT4
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng
- Sàn giao dịch : Upcom – Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 14/03/2019
- Ngày đăng ký cuối cùng: 15/03/2019

**Lý do và mục đích:**

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
- Nội dung cụ thể: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
- Tỷ lệ thực hiện: 01 cổ phiếu – 01 quyền biểu quyết
- Thời gian thực hiện: Dự kiến tháng 4 năm 2019 (Thời gian tổ chức cụ thể sẽ thông báo sau).
- Địa điểm thực hiện : Hội trường tầng 3 – Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 số 118 Đường Huyền Quang – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.

**Nội dung họp dự kiến:** Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019; Thông qua Báo cáo tài chính 2018 và thông qua trích lập các quỹ 2018; Thông qua phương án chia cổ tức 2018, dự kiến 2019 và các vấn đề khác theo thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông ./.

**Nơi nhận:**

- Như KG;
- Website Công ty;
- Sở Giao dịch CKHN (để b/c);
- Lưu VP, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Dương Hải Thanh**

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;  
Căn cứ Biên bản họp ngày 21 tháng 03 năm 2019 của Hội đồng quản trị  
Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Hội đồng quản trị bàn bạc, thống nhất các nội dung sau:

1. Thông qua thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019;
2. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;  
phương án sản xuất kinh doanh năm 2019;
3. Thống nhất, xin ý kiến Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) thông qua những nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 theo quy chế người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp.

**Điều 2:** Giao Ban Giám đốc, hoàn thiện hồ sơ tài liệu theo quy định;

**Điều 3:** Quyết nghị có hiệu lực kể từ ngày ký, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm thi hành Quyết Nghị này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng Công ty SCIC (để b/c);
- Các TV HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VP, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Dương Hải Thanh**

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 21 tháng 3 năm 2019, Tại Văn phòng Công ty Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Thành phần cuộc họp:

**I- Thành viên Hội đồng Quản trị: 5/5 đồng chí**

- |                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Dương Hải Thanh    | Chức vụ : Chủ tịch HĐQT  |
| 2. Ông : Phạm Hồng Minh   | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 3. Ông: Nguyễn Phi Trường | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 4. Ông : Phạm Văn Hanh    | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 5. Ông : Nguyễn Văn Tặng  | Chức vụ: Thành viên HĐQT |

**II- Ban Giám đốc:**

- |                          |                                 |
|--------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông : Trần Văn Ôn     | Chức vụ: Phó Giám đốc           |
| 2. Ông : Trịnh Đình Kiên | Chức vụ : Phó Giám đốc          |
| 3. Ông : Vũ Xuân Trường  | Chức vụ: Phó trưởng phòng TC-KT |

**III- Thư ký:**

- |                         |             |
|-------------------------|-------------|
| 1. Bà: Đỗ Thị Kim Tuyền | Thư ký HĐQT |
|-------------------------|-------------|

Sau khi nghe đồng chí Dương Hải Thanh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa cuộc họp thông báo nội dung cuộc họp, Hội đồng quản trị đã bàn bạc, đóng góp ý kiến các nội dung cơ bản sau:

1. Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 tổ chức ngày 19/04/2019;
2. Thông kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; phương án sản xuất kinh doanh năm 2019;
3. Thống nhất, xin ý kiến Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) thông qua những nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 theo quy chế người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp.

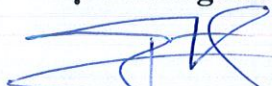
4. Công tác tổ chức cán bộ và một số công việc khác:

Các công việc khác: Giao Ban Giám đốc chỉ đạo các phòng ban thực hiện một số công việc trong tháng 3/2019;

Cuộc họp kết thúc hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày được thông qua các thành viên Hội đồng quản trị, biên bản được lập thành 02 bản./.

**Thành viên HĐQT**

1. **Phạm Hồng Minh**



2. **Nguyễn Phi Trường**



3. **Nguyễn Văn Tặng**



4. **Phạm Văn Hanh**



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Dương Hải Thanh**

**Thư ký**



**Đỗ Thị Kim Tuyền**

Số: 213 /2019/NQ-ĐHĐCĐ

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 ngày 19/4/2019;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 ngày 19/4/2019 với 28 cổ đông và người được ủy quyền dự họp đại diện cho 1.157.400 cổ phần chiếm 99,78% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đã thảo luận và biểu quyết thông qua các Điều sau đây:

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2019.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018.

**Điều 4.** Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018, với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Báo cáo tài chính
1	Tổng tài sản	đồng	54.239.216.424
2	Doanh thu thuần	đồng	122.596.645.308
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.833.381.238
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	1.298.071.373
5	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	đồng	931

**Điều 5.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, dự kiến phương án chia cổ tức năm 2019 theo nội dung tờ trình của Hội đồng quản trị:  
Nội dung cụ thể như sau:

**5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:**

Lợi nhuận sau thuế: 1.298.071.373 đồng, được phân phối như sau:

+ Chia cổ tức năm 2018 tỷ lệ 8%/cổ phần	928.000.000 đồng
800 đồng/cổ phần x 1.160.000 cổ phần:	
+ Lợi nhuận còn lại trích Quỹ:	đồng
Quỹ đầu tư phát triển	60.000.000 đồng
Quỹ phúc lợi	120.071.373 đồng
Quỹ khen thưởng	190.000.000 đồng

**5.2. Dự kiến phương án chia cổ tức năm 2019**

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 dự kiến đạt: 1.400.000.000 đồng

Dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 8,5%/cổ phần (850 đồng/cổ phần), tổng số tiền: 986.000.000 đồng. Hình thức chi trả: Chuyển khoản.

Số còn lại: Trích Quỹ đầu tư phát triển:	70.000.000 đồng
Quỹ phúc lợi :	134.000.000 đồng
Quỹ khen thưởng:	210.000.000 đồng

**Điều 6.** Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch đầu tư theo báo cáo của Hội đồng quản trị.

Nội dung tóm tắt như sau:

**6.1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019:**

- Tổng doanh thu ước đạt:	129.595.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	1.950.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	1.400.000.000 đồng

**6.2. Thực hiện kế hoạch năm 2019:**

Năm 2019 Công ty tập trung thực hiện những nội dung cơ bản sau đây:

- + Thực hiện đấu thầu bảo trì 352 km đường thủy nội địa quốc gia năm 2019;
- + Thi công các công trình theo đặt hàng của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đối với hạng mục điều tiết cầu Đa phúc; Chống va trôi Cầu Hồ, Cầu Bắc Giang; Điều tiết Cầu Phật tích, Cầu Xuân Cẩm và các công trình khác trên tuyến sông Công ty quản lý.

- + Kinh doanh bán lẻ dầu Diezen, mở rộng điểm kinh doanh dầu trên sông.
- + Khởi xây dựng các công trình.

**Điều 7.** Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 theo tờ trình của Hội đồng quản trị.

Nội dung như sau:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/người/tháng.

Thù lao của thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/tháng.

**Điều 8.** Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2019 theo tờ trình của Hội đồng quản trị.

**Điều 9. Triển khai thực hiện Nghị quyết:**

9.1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 19/4/2019.

9.2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện tới Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên 2020./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 9;
- UBCKNN;
- SCIC (Báo cáo)
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- TTLKCKVN(VSD);
- Website Công ty;
- Lưu VP, thư ký HĐQT.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Dương Hải Thanh**

Số: 212/2019/BB-ĐHĐCD

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2019

**BIÊN BẢN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Tên doanh nghiệp: **Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4**

Thời gian họp: **Bắt đầu lúc 8h30 ngày 19/4/2019  
Kết thúc 11 giờ 30 phút ngày 19/4/2019**

Địa điểm họp: **Hội trường Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 – 118 Đường Huyền Quang – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.**

Chương trình và nội dung Đại hội: **Theo chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (được đính kèm văn bản này).**

Số đại biểu tham dự: **Tổng số cổ đông và người được ủy quyền dự họp là 28 cổ đông, đại diện cho 1.157.400 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự;  
Số cổ đông không tham dự 01; Nắm giữ: 2.600 cổ phần;**

Khách mời tham dự: **+ Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước:  
Bà: Nguyễn Thị Hồng Loan – Phó Trưởng ban Đầu tư 2  
Ông: Lê Cao Khánh – Chuyên viên Ban Đầu tư 2  
+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam:  
Ông : Ngô Văn Quang – Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ Tịch Công Đoàn;  
Bà: Nguyễn Thị Thanh Nga – BCH Công đoàn, Trưởng Ban Nữ Công;**

Chủ tọa: **Ông : Dương Hải Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Thư ký Đại hội: **Bà : Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Bà: Đỗ Thị Kim Tuyến**

**BIÊN BẢN ĐẠI HỘI**

**I.Thủ tục khai mạc Đại hội:**

- 1. Ban tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự Đại hội.**
- 2. Báo cáo thẩm tra tính hợp lệ của Đại hội.**

**Ông Nguyễn Văn Tặng – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông ngay trước thời điểm khai mạc (có Biên bản kèm theo)**

### **Kết quả như sau:**

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty : 1.157.400 cổ phần  
Tại thời điểm khai mạc Đại hội, tổng số cổ đông tham dự là 28 cổ đông, đại diện cho 1.157.400 cổ phần chiếm 99,78% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

*(Đến thời điểm biểu quyết, số lượng cổ đông tham dự Đại hội là 128 cổ đông, trong đó tham dự trực tiếp là 28 cổ đông, tham dự thông qua ủy quyền là 99 cổ đông, đại diện cho 1.157.400 cổ phần chiếm 99,78% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty)*

Như vậy, theo quy định tại Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của công ty đủ điều kiện tiến hành.

### **3. Ban tổ chức đề xuất và lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông biểu quyết để bầu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**

Đại hội nhất trí với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% về thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

#### **3.1. Đoàn Chủ tịch gồm:**

Ông: Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	Chủ tọa
Ông: Phạm Hồng Minh	Ủy viên HĐQT – Giám đốc	Thành viên
Ông: Phạm Văn Hanh	Ủy viên HĐQT- Chủ tịch CĐ	Thành viên

#### **3.2. Ban thư ký gồm:**

Bà: Đỗ Thị Kim Tuyền	Tổ trưởng
Bà: Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên

### **4. Thông qua quy chế làm việc của Đại hội**

Ông: Nguyễn Văn Tặng – Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh - Dự án 1 thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Đại hội đã biểu quyết đạt tỷ lệ đồng ý 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

### **5. Thông qua chương trình Đại hội:**

Ông: **Dương Hải Thanh** – Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Ban tổ chức thông qua chương trình nghị sự của Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết đạt tỷ lệ đồng ý 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua chương trình nghị sự của Đại hội.

## **II. Các báo cáo, tờ trình trình bày tại Đại hội:**

1. Ông **Phạm Hồng Minh**: Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty thay mặt Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019;

2. Ông: **Trần Văn Ôn**: Phó Giám đốc Công ty thay mặt Ban Giám đốc trình bày báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019;

3. Bà: **Nguyễn Thị Hằng** : Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018.

4. Ông : **Vũ Xuân Trường** : Phó phòng – Phụ trách phòng Kế toán – Tài chính Công ty thông qua các tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội thông qua các nội dung: Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán; Báo cáo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và phương án phân chia cổ tức năm 2019; Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019; Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2019.

5. Ông: **Phạm Văn Hanh** - Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính thông qua: Báo cáo giám sát thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế tại Công ty; Bầu Ban đối thoại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

### **III. Phần thảo luận của các cổ đông:**

Sau khi trình bày nội dung các báo cáo, tờ trình thông qua tại Đại hội, ông **Phạm Hồng Minh** – Chủ trì việc thảo luận các nội dung trên trong Đại hội.

Trong quá trình thảo luận, có 03 lượt ý kiến cổ đông đã đặt các câu hỏi về vấn đề có liên quan đến những nội dung thông qua của Đại hội. Tất cả các câu hỏi đã được Chủ tọa/Đoàn Chủ tịch Đại hội giải đáp thỏa đáng.

### **IV. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:**

#### **Nội dung xin ý kiến biểu quyết:**

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018;
2. Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018;
4. Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
5. Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, dự kiến phương án chia cổ tức năm 2019;
6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (trong nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị);
7. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019;
8. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2019;
9. Các nội dung khác.

#### **Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung sau:**

##### **1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018**

###### **Đại hội biểu quyết:**

Đồng ý : 1.157.400 cổ phần,	chiếm 99,78% số cổ phần biểu quyết thu về
Không đồng ý: 0 cổ phần,	chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về
Ý kiến khác: 0 cổ phần,	chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về

##### **2. Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động SXKD năm 2018, phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2019**

###### **Đại hội biểu quyết:**

Đồng ý : 1.157.400 cổ phần,	chiếm 99,78% số cổ phần biểu quyết thu về
Không đồng ý: 0 cổ phần,	chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về
Ý kiến khác: 0 cổ phần,	chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về

### 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018

#### Đại hội biểu quyết:

Đồng ý : 1.157.400 cổ phần, chiếm 99,78% số cổ phần biểu quyết thu về  
Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về  
Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về

4. Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

ĐVT: đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Báo cáo Tài chính
1	Tổng Tài sản	đồng	54.239.216.424
2	Doanh thu thuần	đồng	122.596.645.308
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.833.381.238
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	1.298.071.373
5	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	đồng	931

#### Đại hội biểu quyết:

Đồng ý : 1.157.400 cổ phần, chiếm 99,78% số cổ phần biểu quyết thu về  
Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về  
Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và dự kiến phương án chia cổ tức năm 2019:

#### Đại hội biểu quyết:

Đồng ý : 1.157.400 cổ phần, chiếm 99,78% số cổ phần biểu quyết thu về  
Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về  
Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về

#### 5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

Lợi nhuận sau thuế: 1.298.071.373 đồng, được phân phối như sau:

+ Chia cổ tức năm 2018 tỷ lệ 8%/cổ phần	928.000.000	đồng
800 đồng/cổ phần x 1.160.000 cổ phần:		
+ Lợi nhuận còn lại trích Quỹ:		đồng
Quỹ đầu tư phát triển	60.000.000	đồng
Quỹ phúc lợi	120.071.373	đồng
Quỹ khen thưởng	190.000.000	đồng

#### 5.2. Dự kiến phương án chia cổ tức năm 2019

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 dự kiến đạt: 1.400.000.000 đồng

Dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 8,5%/cổ phần (850 đồng/cổ phần), tổng số tiền: 986.000.000 đồng. Hình thức chi trả: Chuyển khoản.

Số còn lại: Trích Quỹ đầu tư phát triển:	70.000.000	đồng
Quỹ phúc lợi :	134.000.000	đồng
Quỹ khen thưởng:	210.000.000	đồng

**6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch đầu tư theo báo cáo của Hội đồng quản trị:**

**Đại hội biểu quyết:**

Đồng ý : 1.157.400 cổ phần, chiếm 99,78% số cổ phần biểu quyết thu về  
Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về  
Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về

**Một số nội dung tóm tắt như sau:**

**6.1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019:**

- Tổng doanh thu ước đạt: 129.595.000.000 đồng  
- Lợi nhuận trước thuế: 1.950.000.000 đồng  
- Lợi nhuận sau thuế: 1.400.000.000 đồng

**6.2. Thực hiện kế hoạch năm 2019:**

Năm 2019 Công ty tập trung thực hiện những nội dung cơ bản sau đây:  
+ Thực hiện đấu thầu bảo trì 352 km đường thủy nội địa quốc gia năm 2019;  
+ Thi công các công trình theo đặt hàng của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đối với hạng mục điều tiết Cầu Đa phúc; Chông va trôi Cầu Hồ, Cầu Bắc Giang; Điều tiết Cầu Phật tích, Cầu Xuân Cẩm và các công trình khác trên tuyến sông Công ty quản lý.  
+ Kinh doanh bán lẻ dầu Diezen; Mở rộng điểm kinh doanh dầu trên sông.  
+ Khởi xây dựng các công trình.

**7. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 theo tờ trình của Hội đồng quản trị.**

**Đại hội biểu quyết:**

Đồng ý : 1.157.400 cổ phần, chiếm 99,78% số cổ phần biểu quyết thu về  
Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về  
Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về

**Nội dung như sau:**

+ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị,  
Trưởng ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/người/tháng  
+ Thù lao của thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/tháng

**8. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2019 theo như tờ trình của Hội đồng quản trị.**

**Đại hội biểu quyết:**

Đồng ý : 1.157.400 cổ phần, chiếm 99,78% số cổ phần biểu quyết thu về  
Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về  
Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết thu về

**V. Các vấn đề đã được Đại hội thông qua:**

1. Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông cổ đông thường niên năm 2019 (theo nội dung số 172/QC-ĐHĐCĐ ngày 02/4/2019)

2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị (theo nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 02/4/2019);
3. Báo cáo của Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 (theo nội dung báo cáo của Ban Giám đốc ngày 02/4/2019);
4. Báo cáo của ban kiểm soát năm 2018 (theo nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 02/4/2019);
5. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán (theo nội dung tờ trình số 173/TTr-HĐQT ngày 02/4/2019);
6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và dự kiến phương án chia cổ tức năm 2019 (theo nội dung tờ trình số 174/TTr-HĐQT ngày 02/4/2019);
7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch đầu tư (theo nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị);
8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập (theo nội dung tờ trình số 175/TTr-HĐQT ngày 02/4/2019);
9. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 (theo nội dung tờ trình số 176/TTr-HĐQT ngày 02/4/2019);

#### **VI. Thủ tục bế mạc Đại hội:**

Ban thư ký thông qua dự thảo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Đại hội đã biểu quyết đạt kết quả 99,78% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đã kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 19/4/2019.

Biên bản này có 06 trang, Chủ tọa phiên họp và Tổ trưởng thư ký cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản này./.

**T/M BAN THƯ KÝ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN QLBT ĐTNĐ SỐ 4  
TỔ TRƯỞNG**



**Đỗ Thị Kim Tuyền**

**T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN QLBT ĐTNĐ SỐ 4  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**




**Dương Hải Thanh**

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;  
Căn cứ Biên bản họp ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Hội đồng quản trị bàn bạc, thông qua nội dung sau:

Thông nhất giải quyết công nợ với Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa (nay là Công ty cổ phần Cảng Ninh Bình) theo nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 ngày 09 tháng 9 năm 2019;

**Điều 2:** Giao Ban Giám đốc thực hiện trình tự, hạch toán kế toán đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

**Điều 3:** Quyết nghị có hiệu lực kể từ ngày ký, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm thi hành Quyết Nghị này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng Công ty SCIC (để b/c);
- Các TV HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VP, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Dương Hải Thanh

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4  
V/v Thống nhất giải quyết công nợ với Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận  
tải và xếp dỡ đường thủy nội địa (Nay là Công ty cổ phần Cảng Ninh Bình)**

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 09 tháng 9 năm 2019, Tại Văn phòng Công ty Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

**I - Thành phần cuộc họp:**

**1. Thành viên Hội đồng Quản trị: 5/5 đồng chí**

- |                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Dương Hải Thanh    | Chức vụ : Chủ tịch HĐQT  |
| 2. Ông : Phạm Hồng Minh   | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 3. Ông : Phạm Văn Hanh    | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 4. Ông : Nguyễn Văn Tặng  | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 5. Ông: Nguyễn Phi Trường | Chức vụ: Thành viên HĐQT |

**2. Ban Giám đốc Công ty:**

- |                          |                        |
|--------------------------|------------------------|
| 1. Ông : Trần Văn Ôn     | Chức vụ: Phó Giám đốc  |
| 2. Ông : Trịnh Đình Kiên | Chức vụ : Phó Giám đốc |

**3.Thư ký cuộc họp:**

- |                         |             |
|-------------------------|-------------|
| 1. Bà: Đỗ Thị Kim Tuyền | Thư ký HĐQT |
|-------------------------|-------------|

**II. Nội dung cuộc họp:**

**1. Căn cứ:**

- Biên bản Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 21 tháng 1 năm 2016 giữa Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa và Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về xử lý công nợ và tranh chấp pháp lý liên quan đến công trình : Điều tiết, khống chế, đảm bảo giao thông đường thủy khu vực thi công xây dựng cầu đường bộ thị cầu sửa chữa, gia cố, cải tạo cầu Thị Cầu” số tiền còn nợ: 3.620.138.000 đồng.

*(Ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu một trăm ba tám nghìn đồng)*

- Bản án số : 06/2018/KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Ninh Bình V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ; Quyết định số 03/2018/QĐSCBSBA ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Ninh Bình về Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm; Quyết định số 01/2019/QĐPT-KDTM của Tòa án nhân dân Thành phố Ninh Bình quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm; Bản án số : 02/2019/KDTM-ST ngày 03/05/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Ninh Bình V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ; Quyết định thi hành án số 41/QĐ-CCTHADS ngày 10/6/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Công ty cổ phần Cảng Ninh Bình (chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa), địa chỉ: Đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình,



thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình phải có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 địa chỉ : 118 đường Huyền Quang, phường Đại phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh số tiền cụ thể như sau:

- + Số gốc: 3.620.138.000 đồng
- + Số tiền lãi: 442.712.000 đồng
- + Số tiền lãi suất chậm thi hành án 7,5%/năm.

Công văn số 38/CV- CNB ngày 5/9/2019 của Công ty cổ phần Cảng Ninh Bình về việc tự nguyện trả gốc và giảm lãi và một phần nợ gốc.

2. Sau khi bàn bạc, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đã thống nhất nội dung như sau:

+ Chấp thuận đề nghị của Công ty cổ phần Cảng Ninh Bình trả cho Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 số tiền là: 3.040.000.000 (Ba tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

+ Giảm một phần nợ gốc còn lại : 580.138.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng) và tiền lãi theo bản án: 442.712.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

Tổng cộng: 1.022.850.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

+ Giao Ban Giám đốc thực hiện trình tự, hạch toán kế toán đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Cuộc họp kết thúc hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày được thông qua các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, biên bản được lập thành 02 bản./.


**Thành viên Hội đồng quản trị**

  
**Phạm Hồng Minh**

  
**Nguyễn Phi Trường**


  
**Nguyễn Văn Tặng**

  
**Phạm Văn Hanh**

**Thư ký**  
  
**Đỗ Thị Kim Tuyền**

**CHỦ TỌA**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
  
**Dương Hải Thanh**

**Thành viên Ban Giám đốc**

  
**Trần Văn Ôn**

  
**Trịnh Đình Kiên**

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;  
Căn cứ Biên bản họp ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Hội đồng quản trị bàn bạc, thống nhất thông qua nội dung sau:

- + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019;
- + Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- + Đánh giá kết quả hoạt động của 4 Xí nghiệp trực thuộc Công ty;
- + Năm 2020 chuyển Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 401 về Trạm Kiều Lương; Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 402 về Trạm Bắc Giang;
- + Xây dựng phương án khoán đối với Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 401; Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 402; Xí nghiệp Thương mại Xăng dầu; Thời gian từ 01 tháng 01 năm 2020.
- + Một số nội dung khác.

**Điều 2:** Giao Ban Giám đốc triển khai xây dựng phương án khoán cho các Xí nghiệp trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

**Điều 3:** Quyết nghị có hiệu lực kể từ ngày ký, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm thi hành Quyết Nghị này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng Công ty SCIC (để b/c);
- Các TV HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VP, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đương Hải Thanh**

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 02 tháng 12 năm 2019, Tại Văn phòng Công ty Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

**I - Thành phần cuộc họp:**

**1. Thành viên Hội đồng Quản trị: 5/5 đồng chí**

- |                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Dương Hải Thanh    | Chức vụ : Chủ tịch HĐQT  |
| 2. Ông : Phạm Hồng Minh   | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 3. Ông : Phạm Văn Hanh    | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 4. Ông : Nguyễn Văn Tặng  | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 5. Ông: Nguyễn Phi Trường | Chức vụ: Thành viên HĐQT |

**2. Ban Giám đốc Công ty, Trưởng phòng nghiệp vụ:**

- |                          |                                    |
|--------------------------|------------------------------------|
| 1. Ông : Trần Văn Ôn     | Chức vụ: Phó Giám đốc              |
| 2. Ông : Trịnh Đình Kiên | Chức vụ : Phó Giám đốc             |
| 3. Ông : Vũ Như Lập      | Chức vụ: Trưởng Phòng KD-DA2       |
| 4. Ông : Vũ Xuân Trường  | Chức vụ: Trưởng Phòng Kế toán – TC |
| 5. Bà: Nguyễn Thị Hằng   | Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát      |

**3. Giám đốc Các Xí nghiệp:**

- |                           |                                       |
|---------------------------|---------------------------------------|
| 1. Ông : Trần Quốc Tuấn   | Chức vụ: G.đốc XN QLBTĐTND số 401     |
| 2. Ông : Lê Văn Nam       | Chức vụ: G.đốc XN QLBTĐTND số 402     |
| 3. Ông : Nguyễn Văn Thiệp | Chức vụ: G.đốc XN Thương mại Xăng dầu |
| 4. Ông : Trần Đức Nghĩa   | Chức vụ: G.đốc XN Xây dựng công trình |

**4.Thư ký cuộc họp:**

- |                         |             |
|-------------------------|-------------|
| 1. Bà: Đỗ Thị Kim Tuyền | Thư ký HĐQT |
|-------------------------|-------------|

**II. Nội dung cuộc họp:**

Hội đồng quản trị đã nghe đồng chí Dương Hải Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 – Chủ tọa cuộc họp về nội dung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019; Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; đánh giá kết quả hoạt động của 4 Xí nghiệp trực thuộc.

Sau khi nghe các thành viên Hội đồng quản trị cho ý kiến, Hội đồng quản trị thống nhất đồng ý với các nội dung sau:

- + Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019;
- + Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- + Đánh giá lại hoạt động của 4 Xí nghiệp;
- + Thống nhất năm 2020 chuyển Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 401 về Trạm Kiều Lương; Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 402 về Trạm Bắc Giang;

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc **Bổ nhiệm ông Vũ Xuân Trường** giữ chức vụ  
**Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Công ty cổ phần QLBTĐTND số 4**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều Lệ Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 được và sửa đổi thông qua ngày 26/4/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-ĐU ngày 22/12/2019 của Đảng ủy Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, về công tác tổ chức cán bộ;

Căn cứ yêu cầu công tác cán bộ;

Theo đề nghị của Ban Giám đốc,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ nhiệm có thời hạn ông Vũ Xuân Trường - Cử nhân Kinh tế, Phó phụ trách Phòng Tài chính Kế toán, giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Công ty cổ phần QLBTĐTND số 4, kể từ ngày ký Quyết định.

**Điều 2.** Ông Vũ Xuân Trường được hưởng mức lương, phụ cấp lương Trưởng phòng kể từ ngày được bổ nhiệm, theo Quy chế trả lương của Công ty.

**Điều 3.** Ban Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và ông Vũ Xuân Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: TCHC.



**Dương Hải Thanh**

Số: 286 /QĐ-HĐQT-ĐT4

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần Quản lý đường thủy nội địa số 4

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Căn cứ Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13; Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013;; Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 /6/2016; Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về tiền lương; quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc ở Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2016TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, góp vốn chi phối của Nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 213/2019 NQ - ĐHĐCĐ ngày 19/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông năm 2019;

Căn cứ Văn bản số 844/ĐTKDV-DDT2 ngày 15/5/2019 của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc quyết toán tiền lương 2018 và kế hoạch tiền lương 2019;

Theo đề nghị của Ban Giám đốc Công ty,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động” tại Công ty cổ phần Quản lý đường thủy nội địa số 4.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2019.

**Điều 3.** Ban Giám đốc, các Phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc và CBCNV, người lao động trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- ĐU, HĐQT;
- BHXH Bắc Ninh(thay b/c);
- BKS;
- Lưu: VT;HĐQT;TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Dương Hải Thanh**

**QUY CHẾ TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG  
VÀ CHẾ ĐỘ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**  
(Ban hành kèm theo QĐ số 286/QĐ-HĐQT-ĐT4 ngày 28/5/2019 của  
Công ty cổ phần QLBTĐTND số 4)

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Mục đích:**

- Việc trả lương, trả các khoản thu nhập khác có tính chất lương cho từng cá nhân, từng bộ phận, nhằm khuyến khích người lao động làm việc hoàn thành tốt công việc theo chức danh và đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đảm bảo đời sống cho người lao động yên tâm công tác và đáp ứng được mức sống cơ bản;
- Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật lao động về tiền lương và các chế độ cho người lao động.

**2. Đối tượng và phạm vi áp dụng:**

Áp dụng đối với cán bộ quản lý và người lao động tham gia làm việc tại Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), bao gồm cả những người làm việc theo hợp đồng thử việc, hợp đồng lao động thuê ngoài;

Những người làm việc theo hợp đồng thời vụ thì thực hiện trả lương theo mức lương cụ thể thỏa thuận trong hợp đồng thời vụ của từng người.

**3. Nguồn hình thành quỹ tiền lương**

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hằng năm, Công ty xác định tổng quỹ tiền lương tương ứng gồm các nguồn sau:

- Từ chi phí nhân công trong kết cấu giá thành sản phẩm sản xuất trực tiếp;
- Từ chi phí nhân công trong kết cấu công trình theo các hợp đồng kinh tế;
- Từ các khoản chi phí khác do Chủ tịch HĐQT phê duyệt;
- Từ quỹ dự phòng tiền lương được trích lập hoặc các nguồn quỹ khác.

**CHƯƠNG II  
NGUYÊN TẮC TRẢ LƯƠNG**

1. Việc phân phối tiền lương, gắn liền với năng suất chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty và các cá nhân người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Việc trả lương cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh chung của đơn vị và mức độ đóng góp của người lao động theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, làm công việc gì, vị trí nào hưởng lương theo

công việc đó, vị trí đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi vị trí thì hưởng lương theo công việc mới, vị trí mới.

3. Tiền lương, tiền thưởng trả cho tập thể hoặc người lao động căn cứ vào năng suất, chất lượng, hiệu quả và mức độ đóng góp của cá nhân, tập thể người lao động, đảm bảo sự công bằng và minh bạch giữa tập thể và cá nhân.

4. Tiền lương, tiền thưởng trả cho cá nhân hoặc tập thể người lao động phụ thuộc vào quỹ lương được giao (theo hình thức khoán hoặc đơn giá), và mức độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Không sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng vào mục đích khác.

5. Trong mọi trường hợp chưa quy định trong Quyết định này, Giám đốc Công ty căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh quyết định trên cơ sở tuân thủ chế độ chính sách của Nhà nước về tiền lương, tiền công.

### **CHƯƠNG III**

## **HÌNH THỨC TRẢ LƯƠNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

#### **1. Lương trả theo thời gian:**

Lương thời gian là tiền lương trả cho người lao động theo mức lương thỏa thuận (cán bộ quản lý) hoặc mức lương theo ngạch, bậc lương (bộ phận gián tiếp) và thời gian làm việc thực tế của người lao động

- Tính lương thời gian: Lương thời gian được tính bằng mức cơ bản (lương thỏa thuận đối với cán bộ quản lý hoặc mức lương theo ngạch, bậc lương đối với bộ phận gián tiếp và khối trực tiếp không hưởng lương khoán) cộng các khoản hỗ trợ khác, chia cho số ngày tiêu chuẩn trong một tháng nhân với thời gian làm việc thực tế.

#### **2. Lương khoán:**

- Lương khoán là hình thức trả lương đối với người lao động trực tiếp làm công việc có tính chất thời vụ, những công việc giao từng chi tiết, bộ phận theo khối lượng công việc trong một thời gian nhất định qua hợp đồng khoán, quyết định khoán, phương án khoán;

#### **3. Lương thử việc:**

Mức thấp nhất là 85% lương tối thiểu do công ty quy định, ngoài mức lương được hưởng theo vị trí công việc, người thử việc còn được hưởng các khoản phụ cấp, các khoản hỗ trợ và phúc lợi cũng như những khoản hỗ trợ khác (nếu có) theo quy định của công ty.

#### **5. Lương thuê ngoài:**

Theo tính chất, yêu cầu công việc, Công ty có thể thỏa thuận ký kết hợp đồng thuê lao động ngoài với mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng của Nhà nước quy định và phù hợp với quy định của Công ty. Giám đốc có thể quyết định lao động thuê ngoài được hưởng lương vị trí công việc, hỗ trợ trong thời gian làm việc.

6. **Ngạch, bậc lương, mức lương:** Công ty xây dựng ngạch bậc lương theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH; Nghị định 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc ở Công ty, doanh nghiệp.

7. **Tiền lương làm việc thêm giờ:** được tính theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động như sau:

- *Làm thêm giờ vào ngày thường:*

Tiền lương làm thêm giờ = Tiền lương (theo giờ) x 150% x số giờ làm thêm

- *Làm thêm giờ vào ngày chủ nhật:*

Tiền lương làm thêm giờ = Tiền lương (theo giờ) x 200% x số giờ làm thêm

- *Làm thêm vào ngày lễ, tết:*

Tiền lương làm thêm giờ = Tiền lương (theo giờ) x 300% x số giờ làm thêm

**\* Quy định về thanh toán làm thêm giờ:**

- Các đơn vị khi có lao động làm ngoài giờ, phải có kế hoạch làm thêm ngày và giờ cụ thể, gửi Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Công ty phê duyệt nhất trí thanh toán thì được thanh toán làm thêm giờ.

## CHƯƠNG IV

### TÍNH TOÁN TRẢ LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP, CÁC KHOẢN HỖ TRỢ - CHẾ ĐỘ NGHỈ, THĂM HỎI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### I. Tính toán trả lương (*mức lương K 1*):

1. Việc tính toán lương dựa trên nguyên tắc chính xác về số liệu, đảm bảo thời gian trả lương cho người lao động đúng theo quy định.

2. Việc tính toán lương cho người lao động dựa vào thời gian làm việc trên bảng chấm công và được quy định như sau:

*Tiền lương cơ bản + Thù lao + phụ cấp,  
các khoản hỗ trợ (nếu có)*

*Tiền lương tháng =* 
$$\frac{\text{Tiền lương cơ bản + Thù lao + phụ cấp, các khoản hỗ trợ (nếu có)}}{\text{Ngày công tiêu chuẩn của tháng}} \times \text{số ngày làm việc thực tế}$$

\* Đối với Bộ phận lãnh đạo quản lý và chức vụ Trưởng phòng:

- Mức lương được quy định tại **Phụ lục số 1** kèm theo.

\* Đối với Khối lao động chuyên môn nghiệp vụ, bao gồm: Phó trưởng phòng; Giám đốc các Xí nghiệp, Phó Giám đốc các Xí nghiệp, Trạm trưởng, Phó Trạm trưởng các Trạm QLĐTND; nhân viên văn phòng và nhân viên lao động gián tiếp các Xí nghiệp quy định tại **Phụ lục số 2** kèm theo.

\* Đối với công nhân lao động trực tiếp tại các Xí nghiệp quy định tại **Phụ lục số 3** kèm theo:

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty đối với các đơn vị, kế hoạch triển khai phương án kỹ thuật của từng hạng mục công việc đối với các Xí nghiệp; các Phòng Kinh doanh - Dự án 1 và 2 tính toán giao khoán lương cụ thể đối với từng từng Xí nghiệp (nếu có);

- Căn cứ bảng chấm công và kết quả bình xét ABC của từng đơn vị, Công ty thanh toán lương theo từng quý, trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị:

- Xếp loại ABC được tính như sau:

Loại A = 1.0

Loại B = 0.9

Loại C = 0.8

- Tiêu chuẩn để bình xét A, B, C:

**Loại A:**

Là người có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc, nắm chắc và vận dụng phương pháp, kỹ thuật tiên tiến vào công việc, chất lượng, có ngày giờ đảm bảo, chất lượng. Đảm bảo an toàn lao động, không vi phạm nội quy, quy chế cơ quan.

**Loại B:**

Là người chưa đảm bảo ngày giờ công theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành sự phân công lao động, đảm bảo an toàn lao động. Không vi phạm nội quy, quy chế cơ quan; công nhân ở các Xí nghiệp QLBTĐT 401 & 402 không tham gia công tác bảo trì đường thủy nội địa.

**Loại C:** Người có các nội dung mục loại B và có thêm những nội dung sau:

- Là người chưa đảm bảo ngày giờ công, có ngày nghỉ trên 3 ngày/tháng, chấp hành chưa nghiêm kỷ luật và an toàn lao động, nội quy Quy chế của cơ quan.

- Cuối quý, Công ty nghiệm thu thanh toán khối lượng công việc đã được giao khoán, thanh toán theo tỷ lệ phần trăm khối lượng hoàn thành công việc theo chỉ tiêu giao khoán;

- Công ty tạm ứng 30% kinh phí tiền lương cho các đơn vị khi được giao nhiệm vụ (trong trường hợp công trình có nguồn kinh phí tạm ứng);

- Đối với Xí nghiệp Xăng dầu; Xí nghiệp Xây dựng Công trình: Tính lương như khối Xí nghiệp QLBTĐT và cộng thêm lương khoán sản phẩm, hoặc phụ cấp công trình (nếu có).

- Đối với lao động thử việc: Trong thời gian thử việc, người lao động được tính 85% mức lương hiện hưởng.

\* Đối với Nhân viên thừa hành phục vụ: Được quy định tại **Phụ lục 3**.

\* Đối với lao động thuê ngoài:

- Đối với Hợp đồng lao động bán thời gian: Mức khoán **4.000.000** /người/tháng (đã bao gồm các khoản đóng góp theo lương);

- Đối với Hợp đồng lao động từ trên 01 tháng đến 01 năm: Mức lương tối thiểu bằng mức lương vùng theo quy định tại thời điểm ký Hợp đồng trở lên.

**3. Quy định về ngày công tiêu chuẩn của tháng làm việc:**

a) Cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên khối chuyên môn nghiệp vụ: 22 ngày công;

b) Cán bộ, CNV khối lao động trực tiếp: Cán bộ, CNV tham gia đủ số ngày công theo quy định tối thiểu từ 22 công trở lên, Tùy theo từng nhiệm vụ của từng công trường đang thi công.

**II. Các khoản phụ cấp và hỗ trợ:**

**1. Phụ cấp chức vụ, trách nhiệm:**

- Phó Phụ trách phòng nghiệp vụ; Giám đốc các Xí nghiệp; Phó Giám đốc Phụ trách các Xí nghiệp: **560.000** đồng/tháng;

- Phó trưởng phòng, Trạm trưởng; Phó Giám đốc Xí nghiệp; của hàng trưởng cửa hàng xăng dầu: **420.000** đồng/tháng.

- Trạm Phó các Trạm QLĐTND: **280.000** đồng/Tháng.

**2. Hỗ trợ xăng xe, điện thoại, các loại phụ phí đi đường; ăn ca:**

Vị trí công việc	Mức hưởng/ tháng
Chủ tịch HĐQT	<b>2.500.000</b>
Giám đốc	<b>2.000.000</b>
Phó Giám đốc	<b>1.500.000</b>
Trưởng Phòng, Giám đốc Xí nghiệp	<b>1.500.000</b>

Phó phòng; Phó Giám đốc Xí nghiệp; Trạm trưởng; Cửa hàng trưởng cửa Xăng dầu.	1.000.000
Trạm Phó	500.000
Thủ quỹ; lái xe, chốt trưởng chốt điều tiết, Thuyền trưởng tàu $\geq 90$ CV	400.000
Thuyền trưởng tàu $\geq 33$ CV	200.000
Nhân viên văn phòng; nhân viên gián tiếp các Xí nghiệp	700.000
Ăn ca + khoán công tác phí đối với toàn cán bộ, CNV Công ty	1.500.000
<b>Ghi chú: CBCNV làm nhiệm vụ nhiều vị trí hưởng mức cao nhất</b>	

## 2. Hỗ trợ UVBCH, Thương trực Đảng uỷ:

- UVBCH đảng uỷ: 560.000 đồng/tháng;
- Thương trực Đảng uỷ: 280.000 đồng/tháng

\* Tùy theo tình hình phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, căn cứ vào tình hình thực tế, Giám đốc công ty đề xuất HĐQT Ban hành quyết định thay đổi mức hỗ trợ được quy định tại Quy chế này.

## III. Chế độ nghỉ và phúc lợi:

1. Những ngày nghỉ được hưởng nguyên lương:

- Nghỉ lễ, tết (Theo quy định của Bộ luật Lao động)
- Bản thân kết hôn: nghỉ 03 ngày.
- Con kết hôn: nghỉ 01 ngày.

- Cha, mẹ chết (kể cả cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ) vợ hoặc chồng, con chết được nghỉ 03 ngày.

- Nghỉ phép (đối với CB, NV văn phòng): Người lao động thôi việc có đơn xin nghỉ phép mà chưa nghỉ phép năm hoặc chưa được nghỉ hết số ngày phép năm thì sẽ được thanh toán tiền những ngày chưa nghỉ này. Người lao động đang trong thời gian thử việc hoặc chưa ký Hợp đồng lao động thì chưa được hưởng các chế độ của Nhà nước quy định.

2. Các phúc lợi khác: (Thực hiện theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty năm 2018).

## CHƯƠNG V CHẾ ĐỘ VÀ THỦ TỤC XÉT NÂNG LƯƠNG

Về chế độ xét nâng lương: Mỗi năm, lãnh đạo Công ty xét nâng lương cho CBCNV nhân viên 2 lần vào tháng 6 và tháng 11 của năm.

1. Thời gian giữ bậc để xét nâng bậc lương thường xuyên:

- Đối với khối chuyên môn nghiệp vụ: (quy định tại Phụ lục 2 tại Quy chế này):

+ Từ bậc I đến bậc IX: Sau đủ 3 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong bảng lương được xét nâng lên một bậc lương.

- Đối với các chức danh công việc thuộc Công nhân trực tiếp sản xuất kinh doanh (quy định tại Phụ lục 3, ) là 7 bậc lương, thời gian được xét nâng lên một bậc lương được tính như sau:

Từ bậc 1 lên bậc 2, bậc 2 lên bậc 3 là sau 3 năm (đủ 36 tháng)

Từ bậc 3 lên bậc 4, bậc 4 lên bậc 5 là sau 4 năm (đủ 48 tháng)

Từ bậc 5 lên bậc 6, bậc 6 lên bậc 7 là sau 5 năm (đủ 60 tháng)

2. Thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên bao gồm:

- Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động;

- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (*trong thời gian giữ bậc*) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian được Công ty cử đi học, công tác ở trong nước, ở nước ngoài nhưng vẫn trong danh sách trả lương của Công ty;

3. Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên bao gồm:

- Thời gian nghỉ tự túc không hưởng lương;

- Thời gian đi học, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn mà công ty cử đi;

- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam và các loại thời gian không làm việc;

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên theo quy định này (*nếu có*) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 15 ngày làm việc (*không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần, nghỉ lễ và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động*) thì không tính; từ 15 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng.

4. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên

- Cán bộ, nhân viên có đủ điều kiện về thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh công việc và qua đánh giá phải đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

+ *Tiêu chuẩn 1*: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

+ *Tiêu chuẩn 2*: Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức.

- Công nhân lao động trực tiếp tại các đơn vị được nâng bậc lương khi đủ điều kiện về thời gian giữ bậc, thi đạt ở kì thi giữ bậc, nâng bậc thợ của CNKTĐT và đạt 2 tiêu chuẩn nêu trên.

5. Thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên

Trong thời gian giữ bậc lương hiện giữ, nếu cán bộ người lao động không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức thì bị kéo dài thời gian tính nâng bậc lương thường xuyên so với thời gian quy định như sau:

- Kéo dài 12 tháng (một năm) đối với các trường hợp bị kỷ luật chuyển làm việc khác hoặc cách chức;

- Kéo dài 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo;

- Người lao động không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm; trường hợp trong thời gian giữ bậc có 02 năm không liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao bị kéo dài 06 (sáu) tháng.

6. Nâng lương trước thời hạn (đối với khối chuyên môn nghiệp vụ):

a) . Đối với nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng:

- Có 01 năm đạt một trong các cấp độ thành tích khen thưởng theo thứ tự ưu tiên:

- + Được tặng thưởng Huân chương;
  - + Được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc;
  - + Được tặng thưởng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
  - + Được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành;
  - + Được tặng thưởng 02 bằng khen của Bộ trưởng và của chủ tịch UBND tỉnh;
- Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng các năm phải đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên.

b) Đối với nâng bậc lương trước thời hạn 6 tháng:

Có 01 năm được Bộ trưởng hoặc Chủ tịch UBND tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương hoặc của các Bộ, cơ quan ngang Bộ tặng Bằng khen và trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng các năm phải đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên.

c) Đối với nâng bậc lương trước thời hạn 3 tháng:

Cán bộ, nhân viên Có 01 năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng các năm phải đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên.

7. Quy định tính lương vượt khung:

a) Cán bộ lãnh đạo quản lý, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty, Trưởng phòng, quy định như sau:

- Thời gian bổ nhiệm giữ chức vụ từ 5 năm đến dưới 10 năm = **420.000 đồng**;

- Thời gian bổ nhiệm giữ chức vụ trên 10 năm = **560.000 đồng**;

b) Cán bộ, nhân viên khối gián tiếp chuyên môn nghiệp vụ:

- Vượt bậc cuối cùng từ 6 năm, được tính = **5%** mức lương cơ bản theo quy chế lương này, mỗi năm sau đó từ năm thứ 6 trở đi, mỗi năm được cộng **1%** và không vượt quá **10%**.

## CHƯƠNG VI CHẾ ĐỘ THƯỞNG VÀ XỬ LÝ QUỸ LƯƠNG CUỐI NĂM

### I. Chế độ thưởng:

1. Thưởng cuối năm: (tết Nguyên đán)

- Hàng năm nếu Công ty kinh doanh có lãi Công ty sẽ trích từ lợi nhuận để thưởng cho người lao động mức thưởng tùy thuộc vào lợi nhuận mỗi năm.

- Mức thưởng cụ thể từng người lao động tùy thuộc vào sự đóng góp công sức, chất lượng công tác, chấp hành đầy đủ nội quy, các quy định của Công ty.

- Được tính = tỷ lệ % x {tổng lương thực tế trong năm/12 tháng}. Phòng Tổ chức – Hành chính có trách nhiệm lập tờ trình về tỷ lệ % dự toán tổng tiền thưởng tháng lương 13 trước 30 ngày so với ngày bắt đầu nghỉ tết.

2. Thưởng lễ 30/4 & 1/5, ngày Giỗ tổ Hùng vương 10/3, ngày Quốc Khánh, Tết Dương lịch: Mức thưởng: **700.000đ/người**

3. Nguồn kinh phí: Trích từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty.

### II. Xử lý quỹ lương cuối năm

1. Trường hợp thiếu quỹ lương: Trong trường hợp thiếu quỹ lương, Công ty sẽ thanh toán các khoản lương cơ bản, các khoản hỗ trợ ăn ca, phụ phí, công tác phí sẽ thanh toán vào năm sau (nếu có).

2. Trường hợp dư quỹ lương (mức lương K 2):



Trả một lần 6 tháng, hoặc một năm, vào tháng 7 hoặc tháng 1 của năm kế tiếp, tỷ lệ tính lương như sau:

1. Đạt từ > 200% doanh thu = 05 tháng lương thu nhập
2. Đạt từ 150% đến  $\geq$  200% doanh thu = 03 tháng lương thu nhập
3. Đạt từ 130% đến < 150% doanh thu = 02 tháng lương thu nhập
4. Đạt từ 110% đến < 130% doanh thu = 01 tháng lương thu nhập

## CHƯƠNG VII

### QUY ĐỊNH CÁC TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TỪNG CHỨC DANH CÔNG VIỆC HOẶC NHÓM NGÀNH NGHỀ, CÔNG VIỆC TRONG THANG, BẢNG LƯƠNG

#### 1. Nhóm chức danh Lãnh đạo Công ty

- a. Gồm các chức danh: Chủ tịch HĐQT - Giám đốc; Phó Giám đốc Công ty.
- b. Mô tả nhóm chức danh: Là người quản lý cao nhất và chịu trách nhiệm cuối cùng với Hội đồng Quản trị về việc triển khai chiến lược kinh doanh và kết quả kinh doanh của Công ty.
- c. Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng: Có kinh nghiệm trong công tác quản lý; có tầm nhìn và tư duy chiến lược; có kỹ năng lãnh đạo và quản lý tổng thể các hoạt động của Công ty; am hiểu luật pháp Việt Nam và các thông lệ quốc tế liên quan đến tất cả các lĩnh vực điều hành và kinh doanh của Công ty.
- d. Trình độ: Tốt nghiệp Đại học trở lên các ngành liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty.

#### 2. Chức danh Kế toán trưởng

- a. Mô tả chức danh: Chịu trách nhiệm quản lý tài chính kế toán của Công ty; lập các báo cáo tài chính kế toán định kỳ và đột xuất của Công ty theo yêu cầu của các cơ quan quản lý và lãnh đạo Công ty; điều hành công việc của phòng.
- b. Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng: Nắm vững chế độ kế toán, tính toán tổng hợp và phân bổ số liệu kế toán phục vụ công tác quản lý tài chính của Công ty, có khả năng thiết lập và điều hành bộ phận kế toán, nắm vững Luật kế toán.
- c. Trình độ: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Kế toán; có chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng; có khả năng sử dụng phần mềm Kế toán.

#### 3. Nhóm chức danh Trưởng, phó phòng nghiệp vụ

- a. Mô tả chức danh: Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty theo chức năng của từng phòng, ban, bộ phận được giao. Quản lý kiểm soát nhân viên thực hiện công việc đã giao; phát triển và đào tạo nhân viên cấp dưới.
- b. Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng: Có kinh nghiệm quản lý, nắm bắt được tình hình sản xuất, kinh doanh, đặc điểm của Công ty... chỉ đạo nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Quản lý, chỉ đạo nhân viên trong Công ty thực hiện tốt nội quy, quy chế, duy trì nề nếp tại đơn vị. Giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong Công ty thuộc thẩm quyền của mình. Định kỳ báo cáo với Ban giám đốc Công ty về các công việc được giao và những khó khăn vướng mắc khi thực hiện nhiệm vụ.
- c. Tốt nghiệp từ Đại học trở lên các ngành liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty, sử dụng thành thạo chương trình vi tính căn bản và phần mềm chuyên dụng trong chuyên môn nghiệp vụ được giao

#### 4. Chức danh Nhân viên chuyên môn nghiệp vụ

- a) Mô tả chức danh: Là người thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ của các Phòng chức năng, chịu trách nhiệm trong công việc chuyên môn được giao,

hoàn thành các công việc phát sinh khác theo sự phân công, chỉ đạo của người phụ trách.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng: Hiểu biết, nắm vững công tác chuyên môn nghiệp vụ, xử lý tốt các vấn đề liên quan đến công việc.

c) Trình độ: Tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên các ngành liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty, sử dụng thành thạo chương trình vi tính căn bản và phần mềm chuyên dụng trong chuyên môn nghiệp vụ được giao.

### **5. Nhóm chức danh nhân viên thừa hành, phục vụ (lái xe, văn thư, thủ quỹ, thủ kho)**

a. Lái xe:

- Mô tả chức danh:

Lái xe phục vụ cán bộ của Công ty đi công tác, lái xe đúng hành trình theo lệnh điều xe, thường xuyên lau chùi xe sạch sẽ

- Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng: Có kinh nghiệm lái xe cùng loại, trung thực, nhanh nhẹn, khỏe mạnh

- Trình độ: Có bằng cấp lái xe theo yêu cầu từng loại xe

b) Chức danh nhân viên Văn thư

- Mô tả chức danh:

Thực hiện công tác văn thư lưu trữ (tiếp nhận công văn đi và đến, thực hiện đánh số theo dõi từng loại văn bản đi và đến, sao gửi văn bản theo nơi gửi/nơi nhận, thực hiện lưu trữ văn bản theo quy định....).

Quản lý con dấu và bảo mật công văn (sử dụng con dấu theo đúng quy định và phân cấp ủy quyền, bảo quản cất giữ con dấu đảm bảo an toàn tuyệt đối).

- Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng:

Có hiểu biết chuyên sâu quy định của Nhà nước về công tác Văn thư lưu trữ, việc quản lý, bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật, ngành, qui chế của Công ty.

- Trình độ:

Có chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ trở lên, biết sử dụng thành thạo tin học văn phòng.

c) Chức danh thủ quỹ, thủ kho

- Mô tả chức danh:

— Quản lý tiền mặt trong két sắt, thực hiện thanh toán tiền mặt hàng ngày theo qui trình thanh toán tiền mặt của công ty và thực hiện kiểm kê quỹ hàng ngày để đối chiếu với kế toán tổng hợp.

Quản lý, bảo quản vật tư thiết bị trong kho, thực hiện việc xuất nhập vật tư thiết bị cho các cá nhân đơn vị liên quan

- Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng:

Có phẩm chất đạo đức tốt, am hiểu nghiệp vụ quản lý kho quỹ, cần mẫn có trách nhiệm với công việc được giao.

- Trình độ:

Tốt nghiệp từ trung cấp trở lên, biết sử dụng thành thạo chương trình vi tính căn bản.

### **6. Nhóm chức danh Lao động, sản xuất, kinh doanh trực tiếp**

a) Gồm các chức danh:

- Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp; Trạm trưởng, Phó Trạm trưởng trạm quản lý đường sông.

- Công nhân trực trạm quản lý đường sông; thuyền trưởng; máy trưởng tàu sông có công suất 90CV trở lên; công nhân vận hành máy tàu sông; công nhân khảo sát đường sông; thợ nề; thợ cơ khí....

a) Mô tả chức danh

- Giám đốc, phó Giám đốc xí nghiệp; Trạm trưởng, Trạm phó trực trạm quản lý đường sông: Trực tiếp chỉ đạo và tham gia thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh với CBCNV đơn vị mình, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Công ty về việc chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của đơn vị mình điều hành và hoàn thành khối lượng kế hoạch giao.

- Công nhân trực trạm quản lý đường sông; thuyền trưởng; máy trưởng tàu sông có công suất 90CV trở lên; công nhân vận hành máy tàu sông; công nhân khảo sát đường sông; thợ nề; thợ cơ khí: Trực tiếp sản xuất, thi công các công trình; quản lý, sửa chữa thường xuyên đường thủy nội địa, vận hành tàu công tác an toàn.

c) Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng

- Giám đốc, phó Giám đốc xí nghiệp; Trạm trưởng, Trạm phó trực trạm quản lý đường sông: Có kinh nghiệm quản lý điều hành mọi hoạt động của Trạm; có chuyên môn cao; Hiểu biết, nắm vững các quy chế, quy định, luật định liên quan theo yêu cầu công việc được giao; Biết sử dụng tin học văn phòng.

- Công nhân trực tiếp sản xuất kinh doanh: Có sức khỏe tốt; hiểu biết, nắm vững các quy chế, quy định, luật định liên đến công việc và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

d) Trình độ:

- Giám đốc, phó Giám đốc xí nghiệp; Trạm trưởng, Trạm phó trực trạm quản lý đường sông: Tốt nghiệp trung cấp trở lên, hoặc CNKT từ bậc 5 trở lên.

- Công nhân trực tiếp sản xuất kinh doanh: Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ về thuyền máy trưởng hoặc tốt nghiệp hệ CNKT từ bậc 2 trở lên phù hợp với công việc được phân công.

## CHƯƠNG VIII HIỆU LỰC THI HÀNH

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2019 và thay thế Quyết định số 07/QĐ-HĐQT-DDT4 ngày 12/01/2018 của Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc, các Phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc, người lao động trong Công ty cổ phần Quản lý đường thủy nội địa số 4 căn cứ Quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BHXH Bắc Ninh;
- Lưu VT; TCHC.

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Dương Hải Thanh**

**PHỤ LỤC 1**

**BẢNG LƯƠNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT-ĐT4, ngày / /2019)

TT	Chức vụ quản lý	Mức lương	Ghi chú
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	16.000.000	
2	Giám đốc Công ty	14.000.000	
3	Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty	13.000.000	
4	Trưởng phòng	11.000.000	

**BẢNG LƯƠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ KHỎI VĂN PHÒNG VÀ LAO ĐỘNG GIÁN TIẾP CÁC  
XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC**

(Theo lương vùng 2019; NĐ157/2018/NĐ - CP ngày 16/11/2018)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT-ĐT4, ngày / /2019)

ĐVT: đồng

CHỨC DANH NGHỀ, CÔNG VIỆC (NHÓM, NGẠCH)	BẠC								
	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX
Kỹ sư; cử nhân, kinh tế viên									
- Mức lương	4.450.000	4.700.000	4.950.000	5.200.000	5.500.000	5.900.000	6.200.000	6.600.000	7.000.000

**BẢNG LƯƠNG KHÓI CÔNG NHÂN CÁC XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC; NHÂN VIÊN THỪA HÀNH PHỤC VỤ VÀ LAO ĐỘNG THUÊ NGOÀI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HDQT-ĐT4, ngày / /2019)

**I. Bảng lương công nhân các Xí nghiệp (Tỉnh vùng II, theo NĐ 157/2018/NĐ-CP)**

\* Đối với công nhân Xí nghiệp QLBTĐT 401 & 402: Bậc I = LTT vùng + (LTT vùng x 7%) = 3.969.700 + (3.969.700 x 5%) = 4.168.185 (tính bằng = 4.200.000); biên độ giữa các bậc (≥5%)

\* Đối với các Xí nghiệp xăng dầu, XN Xây dựng công trình được tính như các Xí nghiệp 401 & 402 và + thêm lương sản phẩm hoặc phụ cấp công trình (nếu có)

CHỨC DANH NGHỀ, CÔNG VIỆC (NHÓM, NGẠCH)	BẬC						
	I	II	III	IV	V	VI	VII
- Mức lương	4.200.000	4.450.000	4.700.000	5.000.000	5.400.000	6.000.000	6.400.000

**II. Bảng lương nhân viên thừa hành phục vụ, lao động thuê ngoài**

CHỨC DANH NGHỀ, CÔNG VIỆC (NHÓM,	BẬC					
	I	II	III	IV	V	VI
1. Lái xe con, xe tải < 10 tấn	4.550.000	4.800.000	5.100.000	5.500.000	6.000.000	6.500.000
2. Lái xe tải > 10 tấn; xe téc	4.750.000	5.000.000	5.300.000	5.650.000	6.300.000	6.800.000
- Mức lương						
2. Nhân viên phục vụ, tạp vụ (thuê ngoài)						
- Mức lương	4.000.000					

8824  
NG T  
PHAI  
LY BA  
HUY N  
04  
4-T. E



**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
NGÀY: **04-03-2020**  
SỐ: **498**...QUYẾT **01**.....TP/CT-SCT



**K/T. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**VŨ HOÀNG**



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Phi Trường	Ủy viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Hanh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Tặng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc
	Ông Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc
	Ông Trịnh Đình Kiên	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Phạm Hồng Minh**  
**Giám đốc**

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2020

Số: 140/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4, được lập ngày 03/3/2020, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.**

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2020

---

**Vũ Xuân Hùng****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.**

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>32.918.558.987</b>	<b>40.282.389.735</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>141.958.367</b>	<b>2.239.459.617</b>
1. Tiền	111		141.958.367	2.239.459.617
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.145.598.888</b>	<b>33.547.254.230</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	22.634.758.768	25.329.249.373
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		448.966.256	661.840.012
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	7.061.873.864	7.556.164.845
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.631.001.732</b>	<b>4.495.675.888</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	2.631.001.732	4.495.675.888
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.611.803.545</b>	<b>13.956.826.689</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.180.213.283</b>	<b>12.993.699.281</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	11.180.213.283	12.993.699.281
- Nguyên giá	222		33.221.580.332	33.189.762.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.041.367.049)	(20.196.062.870)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>431.590.262</b>	<b>963.127.408</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	431.590.262	963.127.408
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>44.530.362.532</b>	<b>54.239.216.424</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>31.329.362.532</b>	<b>41.074.145.051</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.709.116.626</b>	<b>40.042.168.493</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	3.213.114.152	2.442.187.283
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.565.244.476	5.542.209.226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	2.267.281.383	2.702.546.850
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	6.024.710.451	12.956.885.937
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	17.423.250.000	16.359.960.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		215.516.164	38.379.197
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>620.245.906</b>	<b>1.031.976.558</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	620.245.906	1.031.976.558
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>13.201.000.000</b>	<b>13.165.071.373</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>13.201.000.000</b>	<b>13.165.071.373</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.600.000.000	11.600.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	117.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		498.000.000	368.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		986.000.000	1.080.071.373
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		986.000.000	1.080.071.373
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>44.530.362.532</b>	<b>54.239.216.424</b>

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2020

Người lập



Chu Thị Thập

Kế toán trưởng



Vũ Xuân Trường

Giám đốc



Phạm Hồng Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.12	124.086.616.380	122.596.645.308
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		124.086.616.380	122.596.645.308
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	109.360.343.477	107.406.627.949
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>14.726.272.903</b>	<b>15.190.017.359</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	5.915.470	7.694.472
7. Chi phí tài chính	22	5.15	1.916.089.696	1.973.640.077
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.916.089.696</i>	<i>1.973.640.077</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.16	4.641.742.744	4.589.187.975
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.16	6.103.184.068	5.860.707.925
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	<b>30</b>		<b>2.071.171.865</b>	<b>2.774.175.854</b>
11. Thu nhập khác	31	5.17	-	-
12. Chi phí khác	32	5.17	106.902.793	940.794.616
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.17</b>	<b>(106.902.793)</b>	<b>(940.794.616)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40+45)	<b>50</b>		<b>1.964.269.072</b>	<b>1.833.381.238</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	414.234.373	535.309.865
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.550.034.699</b>	<b>1.298.071.373</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	910	852

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường

Phạm Hồng Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. <b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.964.269.072</b>	<b>1.833.381.238</b>
2. <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.845.304.179	1.901.114.433
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.915.470)	101.786.166
- Chi phí lãi vay	06	1.916.089.696	1.973.640.077
3. <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.719.747.477</b>	<b>5.809.921.914</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.401.655.342	(1.577.622.226)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.864.674.156	(881.718.887)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(10.404.013.365)	3.455.031.903
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	531.537.146	(193.878.231)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.916.089.696)	(1.973.640.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(583.699.842)	(378.961.351)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(538.969.105)	(3.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.925.157.887)</b>	<b>4.256.133.045</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.818.181)	(2.444.807.450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	450.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.915.470	7.694.472
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(25.902.711)</b>	<b>(1.987.112.978)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ các khoản vay	33	35.356.640.000	49.554.750.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(34.705.080.652)	(48.955.379.442)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(928.000.000)	(870.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(146.440.652)</b>	<b>(270.629.442)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.097.501.250)</b>	<b>1.998.390.625</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.239.459.617</b>	<b>241.068.992</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>141.958.367</b>	<b>2.239.459.617</b>

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

## **1. KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 được thành lập theo Quyết định số 4568/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm: 281 người.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy  
Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống và trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Phá dỡ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông.
- Đóng tàu và cấu kiện nổi.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy.
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động  
(Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện.
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa; mua bán xăng dầu.

**1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2019</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	Số năm 10 – 38
Máy móc, thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải	05-15
Dụng cụ, quản lý	05

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), đối với các công cụ dụng cụ có giá trị lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:*

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng các hoạt động của Công ty không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác nhau. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	98.495.760	326.911.362
Tiền gửi ngân hàng	43.462.607	1.912.548.255
<b>Tổng</b>	<b>141.958.367</b>	<b>2.239.459.617</b>

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>22.634.758.768</b>	<b>25.329.249.373</b>
Công ty Cổ phần Cảng Ninh Bình	580.138.000	3.620.138.000
Cục Đường Thủy Nội Địa Việt Nam	8.266.854.669	996.368.213
Công ty TNHH Thương mại và vận tải Định Phương	1.194.226.703	5.943.962.128
Công ty TNHH xây dựng Tân Thịnh	1.172.778.000	2.746.026.000
Chi cục Đường thủy nội địa phía Bắc	-	1.830.066.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	11.420.761.396	10.192.689.032
<b>Tổng</b>	<b>22.634.758.768</b>	<b>25.329.249.373</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.3 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.061.873.864</b>	-	<b>7.556.164.845</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	620.661.895	-	1.203.491.063	-
- Phải thu các đội, xí nghiệp	3.262.886.594	-	1.698.704.155	-
- Phải thu khác	932.733.733	-	1.572.403.733	-
- Tạm ứng	2.245.591.642	-	3.081.565.894	-
<b>Tổng</b>	<b>7.061.873.864</b>	-	<b>7.556.164.845</b>	-

**5.4 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	64.517.463	-	159.520.768	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	17.545.870	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	2.466.986.152	-	3.086.492.633	-
Thành phẩm	1.250.266	-	-	-
Hàng hóa	98.247.851	-	1.232.116.617	-
<b>Tổng</b>	<b>2.631.001.732</b>	-	<b>4.495.675.888</b>	-

**5.5 Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>431.590.262</b>	<b>963.127.408</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	147.152.353	378.237.778
Chi phí hệ thống quản lý chất lượng ISO, chi phí sửa chữa	284.437.909	584.889.630
<b>Tổng</b>	<b>431.590.262</b>	<b>963.127.408</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	10.664.628.353	1.655.901.870	20.823.231.928	46.000.000	33.189.762.151
Tăng trong năm	-	-	31.818.181	-	31.818.181
Mua trong năm			31.818.181		31.818.181
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>10.664.628.353</u>	<u>1.655.901.870</u>	<u>20.855.050.109</u>	<u>46.000.000</u>	<u>33.221.580.332</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	3.518.842.219	688.712.595	15.950.049.887	38.458.169	20.196.062.870
Tăng trong năm	698.945.364	68.222.913	1.071.730.530	6.405.372	1.845.304.179
Khấu hao trong năm	698.945.364	68.222.913	1.071.730.530	6.405.372	1.845.304.179
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>4.217.787.583</u>	<u>756.935.508</u>	<u>17.021.780.417</u>	<u>44.863.541</u>	<u>22.041.367.049</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2019	<u>7.145.786.134</u>	<u>967.189.275</u>	<u>4.873.182.041</u>	<u>7.541.831</u>	<u>12.993.699.281</u>
Tại 31/12/2019	<u>6.446.840.770</u>	<u>898.966.362</u>	<u>3.833.269.692</u>	<u>1.136.459</u>	<u>11.180.213.283</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					309.165.470

**5.7 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.213.114.152</b>	<b>3.213.114.152</b>	<b>2.442.187.283</b>	<b>2.442.187.283</b>
Công ty cổ phần Đầu tư TVHT	614.575.000	614.575.000	614.575.000	614.575.000
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	992.868.950	992.868.950	689.798.680	689.798.680
Công ty cổ phần đảm bảo an toàn đường thủy Mạnh Hưng	650.319.000	650.319.000	-	-
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	283.858.000	283.858.000	514.858.000	514.858.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	671.493.202	671.493.202	622.955.603	622.955.603
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<u>3.213.114.152</u>	<u>3.213.114.152</u>	<u>2.442.187.283</u>	<u>2.442.187.283</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.8 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
<b>Phải nộp</b>	<b>2.702.546.850</b>	<b>3.816.128.205</b>	<b>4.251.393.672</b>	<b>2.267.281.383</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.223.218.448	3.162.715.068	3.475.000.000	1.910.933.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp	479.328.402	414.234.373	583.699.842	309.862.933
Thuế thu nhập cá nhân	-	74.635.164	28.150.230	46.484.934
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	154.543.600	154.543.600	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-

**5.9 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.024.710.451</b>	<b>12.956.885.937</b>
Bảo hiểm xã hội	246.957.148	105.098.915
Bảo hiểm y tế	5.945.741	-
Bảo hiểm thất nghiệp	33.420.329	-
Phải trả, phải nộp khác	668.637.395	7.970.000
Phải trả các xí nghiệp, các đội	5.069.749.838	12.843.817.022
<b>Tổng</b>	<b>6.024.710.451</b>	<b>12.956.885.937</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

a. Vay	31/12/2019			Phát sinh trong năm			01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>17.423.250.000</b>	<b>17.423.250.000</b>		<b>35.516.890.000</b>	<b>34.453.600.000</b>	<b>16.359.960.000</b>	<b>16.359.960.000</b>	
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Ninh (1)	5.000.000.000	5.000.000.000		16.329.000.000	16.329.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh (2)	3.148.000.000	3.148.000.000		14.288.000.000	14.789.960.000	3.649.960.000	3.649.960.000	
Công ty TNHH vận tải thủy Hoàng Diên	-	-		-	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	
Vay cá nhân (3)	9.275.250.000	9.275.250.000		4.899.890.000	1.934.640.000	6.310.000.000	6.310.000.000	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>620.245.906</b>	<b>620.245.906</b>		-	<b>411.730.652</b>	<b>1.031.976.558</b>	<b>216.680.000</b>	
Ngân hàng TMCP An Bình-Chi nhánh Bắc Ninh	-	-		-	216.680.000	216.680.000	216.680.000	
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh	-	-		-	36.690.000	36.690.000	-	
Ngân hàng SHINHAN Bắc ninh (4)	620.245.906	620.245.906		-	158.360.652	778.606.558	-	
<b>Tổng</b>	<b>18.043.495.906</b>	<b>18.043.495.906</b>		<b>35.516.890.000</b>	<b>34.865.330.652</b>	<b>17.391.936.558</b>	<b>16.576.640.000</b>	

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0195/2019/7766670/HĐTD giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 ngày 25/10/2019 với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Hạn mức tín dụng tối đa là 7.000.000.000 VND (Bảy tỷ Việt Nam đồng). Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất tùy theo từng HĐ tín dụng cụ thể Tài sản đảm bảo gồm HĐ thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 0037/2016/8583711 ngày 23/5/2016; HĐ thế chấp tài sản số: 0058/2015/7766670/HĐBĐ ngày 01/09/2015, 0075/2015/7766670/HĐBĐ ngày 05/10/2015, 0076/2015/7766670/HĐBĐ ngày 05/10/2015, 0074/2015/7766670/HĐBĐ ngày 05/10/2015; HĐ thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0079/2015/7766670/HĐBĐ ngày 20/10/2015.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2717/19/HĐHM-9235 ngày 11/12/2019 giữa ngân hàng TMCP Quốc dân - chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 với mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Hạn mức tối đa là 13.148.000.000 VND (Mười ba tỷ một trăm bốn mươi tám triệu Việt Nam đồng) trong đó hạn mức cho vay là 4.148.000.000 VND (Bốn tỷ một trăm bốn mươi tám triệu Việt Nam đồng). Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 11/12/2019. Lãi suất tùy theo từng khe ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm HĐ thế chấp quyền sử dụng đất số 1119/2019/HĐTC-9235 ngày 11/12/2019 giữa Ngân hàng TMCP Quốc dân-CN Bắc Ninh và ông Dương Hải Thanh và Bà Nguyễn Thị Tường Vy; HĐ thế chấp quyền sử dụng đất số 1054/2016/HĐTC/114-11 ngày 4/10/2016 và HĐ sửa đổi số 797/2018/HĐSĐBĐ/HĐTC-9235 ngày 23/11/2018 và HĐ sửa đổi số 1118/2019/HĐSĐBĐ/HĐTC-9235 ngày 11/12/2019 giữa Ngân hàng TMCP Quốc dân-CN Bắc Ninh và ông Nguyễn Công Doanh và bà Lê Thị Yên.

(3) Các HĐ huy động vốn cá nhân có lãi suất là 12% trả lãi vay hàng quý. Mục đích: bổ sung vốn lưu động.

(4) Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/BN/2018/CA-0539 ngày 08/11/2018 với mục đích sử dụng: mua ô tô mới. Giá trị tổng hạn mức tín dụng là 805 triệu đồng, phương thức cho vay: cho vay theo từng lần, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 60 tháng, Lãi suất vay được thỏa thuận phù hợp giữa các bên theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Tài sản đảm bảo là xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, số khung: MHFJX3GS6J0581034, số máy A5200032TR, biên số: 99A-256.85 trị giá một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng.

**5.11 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>368.000.000</b>	<b>693.379.197</b>	<b>12.778.379.197</b>
Lãi trong năm	-	-	-	1.298.071.373	1.298.071.373
Phân phối lại lợi nhuận 2017	-	-	-	176.620.803	176.620.803
Chia trả cổ tức (2017)	-	-	-	(870.000.000)	(870.000.000)
Phân phối lợi nhuận (2018)	-	-	-	(218.000.000)	(218.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>368.000.000</b>	<b>1.080.071.373</b>	<b>13.165.071.373</b>
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>368.000.000</b>	<b>1.080.071.373</b>	<b>13.165.071.373</b>
Lãi trong năm	-	-	-	1.550.034.699	1.550.034.699
Phân phối lại lợi nhuận 2018	-	-	60.000.000	(152.071.373)	(92.071.373)
Chia trả cổ tức (2018)	-	-	-	(928.000.000)	(928.000.000)
Phân phối lợi nhuận (2019)	-	-	70.000.000	(564.034.699)	(494.034.699)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>498.000.000</b>	<b>986.000.000</b>	<b>13.201.000.000</b>

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vốn góp của Nhà nước	5.916.000.000	5.916.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.684.000.000	5.684.000.000
<b>Tổng</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>11.600.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	11.600.000.000	11.600.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>928.000.000</b>	<b>870.000.000</b>
<b>Phân phối quỹ</b>	<b>586.106.072</b>	<b>41.379.197</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu lưu hành</b>	<b>1.160.000</b>	<b>1.160.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu phát hành</b>	<b>1.160.000</b>	<b>1.160.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
<b>Số lượng cổ phiếu lưu hành</b>	<b>1.160.000</b>	<b>1.160.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	85.371.958.330	83.374.990.095
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.908.942.595	32.117.629.122
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	4.805.715.455	7.104.026.091
<b>Tổng</b>	<b>124.086.616.380</b>	<b>122.596.645.308</b>

**5.13 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	80.101.982.876	77.921.091.374
Giá vốn cung cấp dịch vụ	24.700.752.505	22.857.856.363
Giá vốn Hợp đồng xây dựng	4.557.608.096	6.627.680.212
<b>Tổng</b>	<b>109.360.343.477</b>	<b>107.406.627.949</b>

**5.14 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.915.470	7.694.472
<b>Tổng</b>	<b>5.915.470</b>	<b>7.694.472</b>

**5.15 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	1.916.089.696	1.973.640.077
<b>Tổng</b>	<b>1.916.089.696</b>	<b>1.973.640.077</b>

**5.16 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.641.742.744</b>	<b>4.589.187.975</b>
Chi phí nhân viên	1.926.927.934	1.775.619.626
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	52.782.932	224.630.369
Chi phí khấu hao TSCĐ	621.094.344	638.304.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.042.513	127.874.085
- Chi phí hoa hồng, khuyến mại	709.471.345	648.335.900
- Chi tiếp khách, khánh tiết	268.888.100	157.244.409
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	971.535.576	1.017.178.662
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>6.103.184.068</b>	<b>5.860.707.925</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.761.198.127	2.824.531.516
Chi phí vật liệu quản lý	287.319.912	149.855.729
Chi phí đồ dùng văn phòng	286.111.795	277.541.180
Chi phí khấu hao TSCĐ	526.459.296	462.767.237
Thuế phí và lệ phí	538.939.568	463.895.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.178.474	155.004.367
Chi phí bằng tiền khác		
- Chi tiếp khách, khánh tiết	656.714.866	817.773.770
- Chi phí bằng tiền khác	813.262.030	709.338.569
<b>Tổng</b>	<b>10.744.926.812</b>	<b>10.449.895.900</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Thu nhập/ Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
<b>Tổng</b>	-	-
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt, lãi chậm nộp thuế và Bảo hiểm	106.902.793	831.313.978
Lỗi thanh lý tài sản		109.480.638
Xóa nợ Xí nghiệp 2	-	
Chi phí khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>106.902.793</b>	<b>940.794.616</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(106.902.793)</b>	<b>(940.794.616)</b>

**5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</b>	<b>1.964.269.072</b>	<b>1.833.381.238</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	106.902.793	843.168.088
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.071.171.865</b>	<b>2.676.549.326</b>
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>414.234.373</b>	<b>535.309.865</b>
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	414.234.373	535.309.865
<b>Tổng</b>	<b>414.234.373</b>	<b>535.309.865</b>

**5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>1.550.034.699</b>	<b>1.298.071.373</b>
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	494.034.699	310.071.373
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>1.056.000.000</b>	<b>988.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.160.000	1.160.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>910</b>	<b>852</b>

(\*) Khoản điều chỉnh giảm năm 2019 là khoản tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được thông qua đại hội đồng cổ đông năm 2019. Chỉ tiêu này có thể thay đổi khi có Nghị quyết đại hội cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2019.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch các bên liên quan**

Lương và thù lao hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, ban kiểm soát Lương, Thù lao	989.400.000	1.256.234.615
<b>Tổng</b>	<b>989.400.000</b>	<b>1.256.234.615</b>

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Người lập

**Chu Thị Thập**

Kế toán trưởng

**Vũ Xuân Trường**

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



**Phạm Hồng Minh**